

Số: 03 /BC-VTTC-BKS

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO

Thẩm định Báo cáo tài chính sau kiểm toán và Kết quả SXKD năm 2024 của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin. Ban Kiểm soát công ty xin trình bày trước Đại hội đồng cổ đông công ty về kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2024 do Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin lập, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO tại Báo cáo kiểm toán số BC/BDO/2025.75 ngày 03/03/2025.

Ban kiểm soát Công ty thực hiện Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2024, kết quả đánh giá như sau :

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024 :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện so với	
				Năm 2023	Năm 2024	KH ĐHCĐ	Năm 2023
1	Doanh thu	Triệu đ	1,280,806	1,376,366	1,443,049	112.67	104.84
2	Giá trị sản xuất	Triệu đ	55,393	62,495	60,854	109.86	97.37
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	7,000	7,533	8,916	127.37	118.36
4	Cổ tức/Vốn CP	%	8 - 10	10	8	100.00	80,00
5	Đơn giá lương(đ/1000đ GTSX)	Đồng	430	400	430	100.00	107.50
6	Tổng quỹ tiền lương	Triệu đ	68,759	68,222	69,725	101.40	102.20
	- Người quản lý	Triệu đ	2,064	2,626	2,441	118.27	92.96
	- Người lao động	Triệu đ	66,695	65,596	67,284	100.88	102.57
	+ QTL theo hợp đồng	Triệu đ	41,295	40,686	40,551	98.20	99.67
	+ Quỹ tiền lương theo GTSX	Triệu đ	25,400	24,910	26,733	105.25	107.32
7	Lao động bquan trong danh sách	Người	618	628	601	97.25	95.70
	+ Người quản lý	Người	6	6.0	6.0	100.00	100.00
	+ Người lao động	Người	612	622	595	97.22	95.66
8	Tiền lương bình quân trong Z	Triệu đ	8.50	9.05	9.67	113.74	106.79
	+ Người quản lý	Triệu đ	28.67	36.47	33.90	118.27	92.96
	+ Người lao động	Triệu đ	9.08	8.79	9.42	103.77	107.23
9	Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đ	19,918	12,355	1,941	9.74	15.71

Kết thúc năm 2024, Công ty thực hiện hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch ĐHCĐ giao năm 2024.

Riêng kế hoạch Đầu tư xây dựng tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-VTTC-ĐHCĐ ngày 24/4/2024 đã đặt mục tiêu đầu tư 19.918 triệu đồng ;

Các dự án của Công ty thời gian triển khai ngắn và gắn liền thực tế hoạt động SXKD nên Công ty đã chủ động cân đối năng lực tài chính, biến động của thị trường để trình HĐQT phê duyệt triển khai kế hoạch đầu tư năm 2024 phù hợp với năng lực tài chính hiện có của Công ty để mang lại hiệu quả tích cực của dự án đầu tư.

Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2024, toàn công ty chỉ thực hiện Đầu tư cải tạo phòng khách sạn Vân long giá trị thực hiện 1.941 triệu đồng, bằng 9,74% kế hoạch.

Một số dự án như Đầu tư cải tạo phòng khách sạn Vân long kế hoạch 2.000 triệu đồng, Dự án kho lạnh dự trữ thực phẩm Vân Long 418 triệu đồng, là kế hoạch năm trước chuyển sang kế hoạch năm 2024;

Ngoài ra kế hoạch Đầu tư tổ hợp nhà hàng, cà phê tầng 1 và 2 tòa nhà Vinacomin; dây chuyền sửa chữa thiết bị cơ giới hóa, sản xuất và chế tạo giàn chống sử dụng trong hầm lò chưa được thực hiện đầu tư trong năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu chưa sắp xếp thỏa thuận địa điểm đầu tư, hoặc dự án nhu cầu đầu tư chưa thực sự cấp thiết.

2. Kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty:

Nội dung thẩm định: Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

Báo cáo kiểm kê tài sản thông qua các hồ sơ kiểm kê, nhìn nhận số lượng, chủng loại vật tư hàng hóa còn tồn kho để giám sát;

Công nợ phải thu, nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2024 xác định về mức độ an toàn nợ thông qua biên bản xác nhận nợ của khách nợ tại thời điểm 31/12/2024, đối với những khoản nợ chưa có biên bản đối chiếu nợ, nhưng còn nợ phải thu – Ban kiểm soát đã căn cứ kiểm tra chứng từ thu hồi nợ đầu năm 2025 để đánh giá khả năng rủi ro trong vấn đề bảo toàn vốn của công ty;

Các khoản nợ quá hạn thanh toán, theo báo cáo số liệu nợ quá hạn phát sinh từ năm 2023 về trước; năm 2024 Công ty không phát sinh nợ quá hạn thanh toán, đối với nợ quá hạn trước đây Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ các khoản nợ quá hạn, tuân thủ quy định của Bộ tài chính; Tổng nợ quá hạn đến thời điểm 31/12/2024 toàn công ty 13.970 triệu đồng, là khoản nợ từ những năm trước, năm 2024 Công ty không phát sinh nợ quá hạn thanh toán.

Sau khi xem xét, thẩm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Năm 2024, Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định có liên quan. Tổ chức công tác tài chính kế toán, hạch toán kế toán, phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Lập báo cáo tài chính hàng quý, năm phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo quản trị của Công ty

- Ban kiểm soát thống nhất số liệu phản ánh trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty TNHH kiểm toán BDO kiểm toán.

Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính năm 2024, báo cáo trước ĐHĐCĐ năm 2024 là thể hiện trung thực, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2024 của Công ty.

3. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2024:

3.1 Phân phối lợi nhuận năm 2023:

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 là 10%, trích lập quỹ Đầu tư phát triển từ lợi nhuận còn lại sau khi chi trả cổ tức 10%, trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 Công ty thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và phân chia lợi nhuận năm 2023 vào năm tài chính 2024. Thực hiện phân phối như bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024	Thực hiện
A	B	C	1	2
I	Lợi nhuận sau thuế 2023 chưa phân chia	Đồng	4 967 674 184	4 967 674 184
II	Lợi nhuận năm 2022 chưa phân chia	Đồng		
III	Lợi nhuận được phân chia (I + II)	Đồng	4 967 674 184	4 967 674 184
1	Trả cổ tức			
-	Vốn điều lệ	Đồng	25 000 560 000	25 000 560 000
-	Tỷ lệ trả cổ tức	%	10.00%	10.00%
-	Giá trị cổ tức tính theo tỷ lệ chi trả	Đồng	2 500 056 000	2 500 056 000
2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đó hết hạn được trừ vào lợi nhuận sau thuế	Đồng		
3	Lợi nhuận còn lại	Đồng	2 467 618 184	2 467 618 184
a	Trích quỹ Đầu tư phát triển (3 x 10%)	Đồng	246 761 818	246 761 818
b	Trích Quỹ thưởng Người quản lý	Đồng	304 200 000	304 200 000
c	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2023	Đồng	1 916 656 366	1 916 656 366

3.2 Số liệu tài chính tổng hợp thời điểm 31/12/2024:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm 2024	Số cuối năm 2024
A. Tổng tài sản		492,918,362,557	596,306,860,875
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	455,013,735,694	560,463,285,565
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	39,191,051,287	62,274,415,208
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	192,957,899,658	329,020,363,893
Trong đó: Dự phòng nợ phải thu khó đòi		-13,970,000,000	-13,970,000,000
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	217,802,606,376	163,984,993,994
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	5,062,178,373	5,183,512,470
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	37,904,626,863	35,843,575,310
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	103,191,874	563,799,738
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211-BCĐKT		

Trong đó: Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi	219-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	18,347,195,363	14,413,307,426
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	18,292,688,931	14,413,307,426
- Tài sản cố định thuê Tài chính	224-BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	54,506,432	
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT		
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	136,363,636	136,363,636
Trong đó: Chi phí XDCB dở dang	242-BCĐKT	136,363,636	136,363,636
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT		
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254-BCĐKT		
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	19,317,875,990	20,730,104,510
B. Tổng nguồn vốn		492,918,362,557	596,306,860,875
I. Nợ phải trả	300-BCĐKT	433,846,922,064	537,256,115,104
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	433,846,922,064	537,256,115,104
Trong đó: Nợ quá hạn			
Quỹ khen thưởng & phúc lợi	322-BCĐKT	3,782,418,436	2,639,070,080
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT		
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	59,071,440,493	59,050,745,771
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	59,071,440,493	59,050,745,771
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	25,000,560,000	25,000,560,000
Quỹ đầu tư và phát triển	418-BCĐKT	29,103,206,309	29,349,968,127
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421-BCĐKT	4,967,674,184	4,700,217,644
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT		
C. Kết quả kinh doanh		Năm 2023	Năm 2024
1. Tổng doanh thu		1,376,365,856,106	1,443,049,170,312
- Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10-BCKQKD	1,372,529,714,567	1,441,495,450,891
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	1,886,660,855	1,447,284,499
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	1,949,480,684	106,434,922
2. Tổng chi phí		1,368,832,602,627	1,434,133,572,853
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	7,533,253,479	8,915,597,459
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	4,967,674,184	4,700,217,644
D. Chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		103,840,638,068	74,940,289,774
Trong đó: các loại thuế		103,785,782,466	74,730,049,473
2. Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq(%)		1.01	0.86
3. Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq (%)		9.18	8.65
4. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (Lần)		7.28	9.05

5. Khả năng thanh toán hiện thời (Lần)		1.06	1.05
6. Khả năng thanh toán nhanh (Lần)		0.54	0.73
7. Mức độ bảo toàn vốn (Lần)		1.000	1.005
8. Tổng Quỹ lương trong chi phí KD		68,222,000,000	69,725,000,000
- Lương người quản lý		2,625,600,000	2,440,800,000
- Lương người lao động		65,596,400,000	67,284,200,000
9. Số lao động bình quân		627	601
10. Tiền lương bình quân người/quý		27,201,755	29,003,744
11. Tiền lương bình quân người/tháng		9,067,252	9,667,915

4. Hệ số tài chính tại ngày 31/12/2024:

4.1 Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2024: 59.051 triệu đồng (trong đó lợi nhuận sau thuế năm 2024 chưa phân phối 4.700 triệu đồng).

Năm 2024 kết quả SXKD của Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 8.916 triệu đồng, tăng so với năm 2023: 1.382 triệu đồng.

Thuế TNDN phải nộp cho năm 2024: 4.215 triệu đồng, lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2024 còn lại 4.700 triệu đồng.

Như vậy với hệ số bảo toàn vốn bằng 1,005; Công ty bảo toàn được vốn của các cổ đông.

4.2 Ngoài ra các chỉ số tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản và vốn chủ sở hữu bình quân,... mặc dù có giảm so với cùng kỳ năm 2023, nhưng Công ty thực hiện với các chỉ số tài chính năm 2024 chi tiết mục **3.2** trên; Công ty bảo toàn được vốn của các cổ đông.

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin;

Ban Kiểm soát trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (b/c),
- TV HĐQT, Ban KS,
- Lưu thư ký HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hoàng Văn Kiệm